

Số: 299 /2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1995; Căn cước công dân số 048095002851, ngày cấp 22/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thường trú: Tổ F, phường S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 2002; Căn cước công dân số 048302002688, ngày cấp 18/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thường trú: Tổ C, phường P, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Trần Thị Mỹ P kết hôn với nhau vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng). Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông Trần Văn H và bà Trần Thị Mỹ P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Có con chung Trần Hoàng T, sinh ngày 06/3/2024, ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung Trần Hoàng T cho bà Trần Thị Mỹ P trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng, ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật tại Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Trần Văn H và bà Trần Thị Mỹ P mỗi người phải chịu 150.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0004449 ngày 24/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Trần Thị Mỹ P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2001, do Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 5/7/2024 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng T, sinh ngày 06/3/2024 cho bà Trần Thị Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật, khi cần thiết vì quyền lợi ích của con các bên đương sự có quyền thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Mỹ P và ông Trần Văn H mỗi người phải chịu 150.000đ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ bà Trần Thị Mỹ P và ông Trần Văn H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004449 ngày 24/10/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh